

Số: 99/QĐ-NCKK

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Cơ khí

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU CƠ KHÍ

Căn cứ Quyết định số 3995/QĐ-TCCB ngày 31/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Cơ khí;

Căn cứ Quyết định số 116/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ kỹ thuật cho Viện Nghiên cứu Cơ khí;

Căn cứ Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 73/QĐ-NCKK ngày 06/4/2022 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Cơ khí;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kinh tế - Khoa học Công nghệ, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Cơ khí.

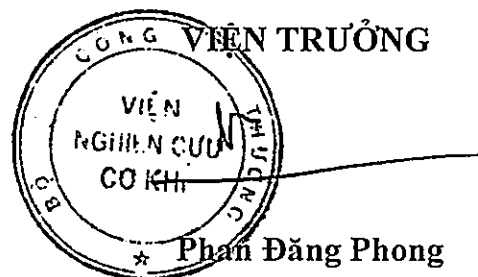
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định và văn bản liên quan trước đây hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc Viện và toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động của Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Lưu: TC-HC, ĐT.

(4)



BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN NGHIÊN CỨU CƠ KHÍ

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Ban hành theo Quyết định số 99./QĐ-NCCK ngày 04/ 5/2026
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Cơ khí

HÀ NỘI - 2026

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	1
Danh mục các từ viết tắt	2
Chương I. Những quy định chung	3
Chương II. Tuyển sinh	8
Chương III. Tổ chức và quản lý đào tạo	11
Chương IV. Đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ	16
Chương V. Kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo và thẩm định chất lượng luận án	29
Chương VI. Quản lý tài chính	31
Chương VII. Khiếu nại tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm	34
Chương VIII. Tổ chức thực hiện	34
Chương IX. Điều khoản thi hành	36

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết đầy đủ	Viết tắt
Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD&ĐT
đào tạo trình độ tiến sĩ	đào tạo tiến sĩ
nghiên cứu sinh	NCS
Trung tâm Đào tạo và Ứng dụng công nghệ cơ khí - tự động hóa	Trung tâm Đào tạo
người hướng dẫn khoa học	NHDKH
Phòng thí nghiệm	PTN

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
Ban hành theo Quyết định số 99/QĐ-NCKK ngày 04/5/2026
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Cơ khí

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Nghiên cứu Cơ khí (sau đây viết tắt là Viện) được thực hiện theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về “Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”; Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ GD&ĐT về “Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ”; có bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở Quy định đào tạo tiến sĩ theo Quyết định số 73/QĐ-NCKK ngày 06/4/2022 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Cơ khí.

Quy định đào tạo này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia vào quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện.

Quy định này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện xây dựng, thẩm định và ban hành, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT.

2. Cấu trúc của chương trình đào tạo gồm 3 phần: Các học phần bổ sung (nếu có); Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan; Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo thời lượng tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ, đảm bảo: tối thiểu 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành (một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá). Cấu trúc chương trình đào tạo về cơ bản được phân bố cụ thể như ở Bảng 1.

a) Phần 1. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ cho nghiên cứu sinh (sau đây viết tắt là NCS) có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ hoặc NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. Các học phần bổ sung được Trung tâm Đào tạo quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến của Tiểu ban chuyên môn được thành lập trong quá trình tuyển sinh.

Bảng 1. Cấu trúc của chương trình đào tạo

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng tối thiểu (tín chỉ)	
		Đối với người dự tuyển có trình độ đại học	Đối với người dự tuyển có trình độ thạc sĩ
1	Phần 1. Các học phần bổ sung	30 (tối thiểu)	0
2	Phần 2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	16	16
2.1	Các học phần bắt buộc, lựa chọn	08	08
	Học phần bắt buộc	04	04
	Học phần lựa chọn	04	04
2.2	Các chuyên đề tiến sĩ (03 chuyên đề)	06	06
2.3	Tiểu luận tổng quan	02	02
3	Phần 3. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	74	74
3.1	Nghiên cứu khoa học (bài báo, báo cáo khoa học)	04	04
3.2	Luận án tiến sĩ	70	70
	Tổng	120	90

- Đối với NCS đã có bằng đại học loại giỏi/xuất sắc, Viện yêu cầu NCS học bổ sung thêm từ 10 đến 15 học phần của chuyên ngành thạc sĩ (phụ thuộc vào ngành gần ra sao). Các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, Viện yêu cầu NCS bổ sung thêm từ 4 đến 8 học phần của chuyên ngành thạc sĩ tương đương với 8 đến 16 tín chỉ.

- Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của NCS còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo tiến sĩ, Viện có thể yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học theo từng trường hợp cụ thể.

- NCS học các học phần bổ sung không tính chung với học phần tiến sĩ được học ngay năm thứ nhất. Các học phần bổ sung này phải được hoàn thành trong thời gian tối đa là 24 tháng đầu tiên.

b) Phần 2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

- Các học phần tiến sĩ

Các học phần tiến sĩ nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu.

NCS tham gia học và hoàn thành 4 học phần với thời lượng 8 tín chỉ, thời gian học các học phần bao gồm: lên lớp, thực hành, viết báo cáo theo quy định cho từng học phần. Các học phần này cần được thực hiện trong năm thứ nhất.

Trung tâm Đào tạo phân công giảng viên giảng dạy và chấm điểm các báo cáo học phần, nếu không đạt thì phải làm lại. Nếu lần hai không đạt thì Viện sẽ xem xét đình chỉ việc học của NCS.

- Tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ

NCS nghiên cứu các tài liệu khoa học có liên quan đến hướng nghiên cứu của đề tài luận án và viết tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ.

Tiểu luận tổng quan yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu, từ đó rút ra mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu NCS nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật các khối kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Tên các chuyên đề được NCS và Tập thể NHDKH đề xuất gửi tới Trung tâm Đào tạo để xem xét ra quyết định giao. Các chuyên đề tiến sĩ cần phù hợp với nội dung luận án, cùng với tiểu luận tổng quan sẽ được đánh giá tại Hội đồng đánh giá do Trung tâm Đào tạo tổ chức.

c) Phần 3. Nghiên cứu khoa học và Luận án tiến sĩ

- Nghiên cứu khoa học

Viện tạo mọi điều kiện cho NCS tiếp cận các trung tâm nghiên cứu thiết kế chuyên ngành, các phòng thí nghiệm, thư viện.

Các kết quả nghiên cứu khoa học của luận án cần được báo cáo trong các buổi sinh hoạt khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành. Viện đề nghị đơn vị cử người đi học tạo điều kiện cho NCS được nhận các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp có nội dung nghiên cứu khoa học phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ.

Các kết quả nghiên cứu khoa học phải rõ ràng, minh bạch. Các mẫu thí nghiệm, các kết quả đo các tính năng cần được các đơn vị có chức năng kiểm định cấp chứng nhận. Các kết quả nghiên cứu khoa học được đưa vào ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh phải có xác nhận của đơn vị ứng dụng.

Từ các kết quả nghiên cứu khoa học, NCS phải có các công bố khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế theo quy định để đủ điều kiện bảo vệ luận án tiến sĩ các cấp.

- Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể.

Luận án phải tuân thủ quy định của Viện về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của NCS và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ gồm 3 năm (36 tháng) đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành đúng hoặc ngành gần; 4 năm (48 tháng) đối với người dự tuyển tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp trình độ đại học loại giỏi/xuất sắc; mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS (theo mẫu tại Phụ lục I của Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ GD&ĐT).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập toàn khóa không quá 1 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 6 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Viện, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Đào tạo tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; NCS phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại Viện theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ ít nhất 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ cần phải có các tiêu chuẩn sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại Luật Giáo dục đại học và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 1 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 5 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ) của 2 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định (tại thời điểm bài báo được chấp nhận đăng); hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 1 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 1 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính) có chỉ số ISBN.

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn khoa học NCS (sau đây viết tắt là NHDKH, bao gồm người hướng dẫn chính; người hướng dẫn phụ; người hướng dẫn độc lập; người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ) phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy định này và đã nhận bằng tiến sĩ từ 3 năm trở lên tính đến ngày được giao nhiệm vụ hướng dẫn NCS.

2. Trong thời gian 5 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, NHDKH phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên (tại thời điểm bài báo được chấp nhận đăng), hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành có chỉ số ISBN; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 1 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi NCS có 1 hoặc 2 người hướng dẫn, trong đó phải có 1 người là cán bộ cơ hữu của Viện hoặc người có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện theo quy định của pháp luật; làm việc trọn thời gian tại Viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn khoa học nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 30 của Luật Giáo dục đại học, theo quy chế của Viện và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 7 NCS; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 5 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 3 NCS. Trường hợp đồng hướng dẫn 1 NCS thì được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 NCS.

3. Người hướng dẫn NCS có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hàng năm của NCS; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của NCS;

c) Đề xuất để NCS được đưa các kết quả luận án ra seminar, được đánh giá luận án tại Trung tâm Đào tạo và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

d) Có ít nhất 1 công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án được công bố cùng NCS trong thời gian hướng dẫn NCS.

e) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của Viện.

Chương II. TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ GD&ĐT ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc có công trình khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 2 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên hay nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ GD&ĐT: chứng chỉ này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ GD&ĐT công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Viện quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; hoặc đã tốt nghiệp các cấp học ở bậc giáo dục phổ thông, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ mà ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt.

4. Hồ sơ dự tuyển NCS gồm có:

a) Phiếu đăng ký xin xét tuyển;

b) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan chủ quản;

c) Công văn cử đi dự tuyển NCS của cơ quan chủ quản (nếu có);

d) Bản sao giấy khai sinh (có công chứng);

e) Bản sao có công chứng các văn bằng, bằng điểm có liên quan (đại học, cao học);

- f) Bản sao chụp các bài báo, công trình đã công bố (nếu có);
- g) Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ để học tập và lao động của cơ sở y tế có thẩm quyền, còn giá trị;
- h) Đề cương nghiên cứu (bài luận về vấn đề dự định nghiên cứu);
- i) Lý lịch khoa học của những NHDKH dự kiến hướng dẫn (có xác nhận của cơ quan);
- j) Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo do Viện quy định;
- k) Hai thư giới thiệu của 2 nhà khoa học cùng chuyên ngành hoặc 1 thư giới thiệu của nhà khoa học cùng chuyên ngành và 1 thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Thư giới thiệu phải có nhận xét đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển;
- l) 2 ảnh cỡ 4x6 kèm theo 2 phong bì dán tem, ghi rõ họ tên và địa chỉ để liên lạc.

Điều 8. Tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

1. Thời gian tuyển sinh: Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Viện quyết định khi đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng triển khai đào tạo ở trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành.

2. Hình thức tuyển sinh là xét tuyển trực tiếp bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Viện có thể tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh, thiên tai hoặc các trường hợp đặc biệt khác khi đáp ứng được những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

3. Thông báo tuyển sinh: Thông tin tuyển sinh được thông báo trên website của Viện (<http://narime.gov.vn>) ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức xét tuyển. Thông báo tuyển sinh bao gồm những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp; chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho NCS trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo và của Viện.

4. Hội đồng tuyển sinh

a) Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh có thành phần:

- Chủ tịch Hội đồng: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng phụ trách đào tạo;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Trung tâm Đào tạo;
- Các uỷ viên: các nhà khoa học có học vị tiến sĩ từ các đơn vị chuyên môn của Viện, có liên quan đến hướng nghiên cứu của thí sinh dự tuyển;
- Hội đồng có 1 thư ký hành chính là nhân viên của Trung tâm Đào tạo.

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các công tác liên quan đến tuyển sinh.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh, tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự tuyển, thu lệ phí dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GD&ĐT theo quy định.

c) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm trước Viện trưởng về toàn bộ các công việc liên quan đến kỳ tuyển sinh.

5. Tiểu ban chuyên môn

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển nhận được, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trung tâm Đào tạo đề xuất các Tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS, trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b) Mỗi Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS có 5 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ có thâm niên công tác từ 3 năm trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ khoa học trong hoặc ngoài Viện do Hội đồng tuyển sinh mời (nếu cần) và ít nhất 1 NHDKH dự kiến nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng Tiểu ban, Thư ký và các ủy viên. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ nêu tại Điều 4.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Tiểu ban chuyên môn:

- Họp xét tuyển NCS đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển; kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng đề cương nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong 2 thư giới thiệu.

- Trong trường hợp thí sinh chỉ có trình độ đại học bằng giỏi / xuất sắc, Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tư vấn cho Trung tâm Đào tạo quyết định về các học phần bổ sung cần thiết.

- Tư vấn các học phần bổ sung (nếu cần) và các học phần tiến sĩ mà NCS sẽ cần học nếu được công nhận NCS.

- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh về chất lượng và tiến độ xét tuyển NCS.

Tại buổi họp của Tiểu ban chuyên môn, các thành viên có phiếu nhận xét về đề cương nghiên cứu của các thí sinh và chấm điểm các thí sinh. Ủy viên thư ký tổng hợp các ý kiến và kết quả trong biên bản họp Tiểu ban.

6. Công nhận trúng tuyển và triệu tập NCS nhập học

Dựa trên kết luận của Tiểu ban chuyên môn, Trung tâm Đào tạo báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh duyệt danh sách trúng tuyển, làm cơ sở để Viện trưởng ra Quyết định công nhận NCS và giao đề tài, phân công NHDKH cho NCS; báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định.

Quyết định công nhận NCS bao gồm các thông tin: tên NCS, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, tập thể NHDKH, thời gian đào tạo, kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS. Viện giao Trung tâm Đào tạo trực tiếp quản lý các NCS trong toàn bộ quá trình học tập tại Viện.

Căn cứ vào Quyết định công nhận NCS do Viện trưởng ký ban hành, Trung tâm Đào tạo gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

7. Hồ sơ tuyển sinh và các tài liệu liên quan đến công tác xét tuyển được lưu trữ lâu dài phục vụ công tác quản lý, thẩm định, giám sát, thanh tra, kiểm tra.

8. Tập thể, đơn vị, cá nhân có vi phạm liên quan đến hoạt động tổ chức tuyển sinh và công nhận NCS bị xử lý theo quy định của Viện.

Chương III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy theo Điều 3 của Quy định này tại các cơ sở của Viện. Một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài Viện.

2. Viện tổ chức giảng dạy những học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và công nhận kết quả học tập đối với NCS của các cơ sở đào tạo có hợp tác đào tạo với Viện. Căn cứ các thông tin tư vấn của Tiểu ban chuyên môn trong quá trình tuyển sinh, Trung tâm Đào tạo xác định các học phần bổ sung và các học phần trình độ tiến sĩ đối với từng NCS, phân công các giảng viên phù hợp giảng dạy các học phần. Giảng viên có thể là các nhà giáo, nhà khoa học ở trong và ngoài Viện, đáp ứng các yêu cầu nêu tại Điều 4 của Quy định này.

3. Viện tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

4. NCS cần học các học phần bổ sung và các học phần trình độ tiến sĩ theo kế hoạch của Trung tâm Đào tạo sắp xếp. Trong thời gian 24 tháng kể từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh, NCS phải hoàn thành các học phần bổ sung và các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ.

5. Tiểu luận tổng quan do NCS thực hiện dưới sự hướng dẫn của tập thể NHDKH. Tiểu luận tổng quan được trình bày trong 25-30 trang trên khổ giấy A4. Kết cấu tiểu luận tổng quan gồm: mở đầu, nội dung, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo. Phần mở đầu của tiểu luận tổng quan trình bày các nội dung: sự cần thiết và ý nghĩa của tiểu luận tổng quan; mục đích và phương pháp tiến hành. Phần nội dung đi sâu làm rõ: tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án; đánh giá kết quả của những công trình, nhóm công trình, chỉ rõ những vấn đề còn tồn tại mà luận án tập trung nghiên cứu, giải quyết, các kết quả nghiên cứu ban đầu của NCS (nếu có).

6. Dưới sự hướng dẫn của tập thể NHDKH, nghiên cứu sinh chủ động nghiên cứu, hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ. Mỗi chuyên đề được trình bày trong 20-30 trang A4. Kết cấu của chuyên đề gồm: mở đầu, nội dung, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo. Trong phần mở đầu cần tập trung làm rõ các nội dung: lý do lựa chọn chuyên đề; mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu; ý nghĩa lý luận, thực tiễn của chuyên đề.

7. Đánh giá tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ

a) Trung tâm Đào tạo tổ chức việc đánh giá tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ. Tiểu ban đánh giá tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ có 5 thành viên là các GS, PGS hoặc những người có học vị tiến sĩ có hiểu biết sâu về chuyên ngành và đề tài của NCS. Thành phần mỗi Tiểu ban gồm Trưởng tiểu ban, Thư ký và các uỷ viên, trong đó có thể có các nhà giáo, nhà khoa học ngoài Viện;

b) Tham dự buổi đánh giá tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ có các thành viên Tiểu ban, NCS, tập thể NHDKH và các nhà khoa học quan tâm;

c) Trình tự tiến hành phiên họp của Tiểu ban đánh giá tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ:

- Trưởng Tiểu ban công bố quyết định về việc thành lập Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ; giới thiệu đại biểu tham dự và quán triệt mục đích, yêu cầu, chương trình làm việc của Tiểu ban;

- NCS trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu của tiểu luận tổng quan và từng chuyên đề tiến sĩ, mỗi hạng mục trình bày trong khoảng thời gian không quá 15 phút; các thành viên Tiểu ban đọc nhận xét và nêu câu hỏi đối với NCS; khách tham dự có thể tham gia ý kiến;

- NCS trả lời các câu hỏi đặt ra của Tiểu ban và khách tham dự;

- Tiểu ban họp riêng để đánh giá, nhận xét và cho điểm đối với tiểu luận tổng quan và từng chuyên đề tiến sĩ. Điểm của tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ là điểm trung bình chung của các thành viên Tiểu ban theo thang điểm 10 được lấy làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

- Trưởng Tiểu ban công bố nhận xét, kết quả đánh giá tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ và kết luận của Tiểu ban. Nội dung kết luận cần nêu rõ phương pháp tiếp cận, cách trình bày và nội dung tiểu luận tổng quan đã bám sát đề tài luận án hay chưa; tính cấp thiết, bố cục, nội dung, hình thức và phương pháp trình bày các chuyên đề tiến sĩ. Tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ được coi là đạt nếu điểm của các thành viên Tiểu ban đều từ 5,0 điểm trở lên.

Toàn bộ diễn biến, đánh giá, nhận xét, kết quả và kết luận đánh giá tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ của phiên họp phải được ghi rõ trong biên bản có chữ ký xác nhận của Thư ký và Trưởng Tiểu ban.

Điều 10. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh và NHDKH được đề xuất với Viện về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi NHDKH và chuyên cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 3; không hoàn thành các nội dung học tập nêu tại Điều 2 (bao gồm các học phần bổ sung nếu có, các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ);

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của NCS hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của Viện ở mức độ buộc thôi học.

3. Viện quy định chi tiết như sau:

a) Thay đổi tên đề tài luận án chỉ có thể thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo tiêu chuẩn (kể từ ngày được công nhận NCS). Nếu thay đổi tên đề tài và định hướng nghiên cứu thì NCS phải bảo vệ lại đề cương nghiên cứu trước Hội đồng chuyên môn do Trung tâm Đào tạo thành lập. NCS cần có đơn đề nghị đề Viện xem xét, quyết định. Nội dung đơn phải ghi rõ lý do thay đổi đề tài luận án tiến sĩ, có ý kiến đề nghị của tập thể NHDKH.

b) Việc điều chỉnh (chính xác hóa) tên đề tài luận án tiến sĩ được Viện trưởng xem xét, quyết định khi có ý kiến đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trung tâm Đào tạo.

c) Bổ sung hoặc thay đổi NHDKH được thực hiện trước ít nhất 1 năm tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng và phải được sự đồng ý của Viện trưởng. Hồ sơ đề nghị bổ sung hoặc thay đổi NHDKH cần có: đơn đề nghị bổ sung hoặc thay đổi NHDKH của NCS; các ý kiến đồng ý của tập thể NHDKH trước, của NHDKH sẽ được thay thế và của Giám đốc Trung tâm Đào tạo. NHDKH bổ sung hoặc thay thế cũng phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về cán bộ hướng dẫn được quy định tại Điều 5.

d) Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định (kể từ khi có Quyết định công nhận NCS) còn ít nhất 1 năm, được cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận. Viện trưởng ra Quyết định chuyển đổi cơ sở đào tạo cho NCS.

e) NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời gian đào tạo tiêu chuẩn, luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trung tâm Đào tạo; NCS đã chỉnh sửa luận án, nộp hồ sơ đề nghị gửi phản biện độc lập.

f) Kéo dài thời gian học tập, nghiên cứu của NCS

Nếu NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn như quy định, thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin gia hạn. Đơn xin gia hạn cần có ý kiến của tập thể NHDKH và của đơn vị cử đi học. Thời gian kéo dài bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy định này.

g) Rút ngắn thời gian học tập, nghiên cứu: NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng không quá 1 năm (12 tháng) kể từ khi có Quyết định công nhận NCS.

h) Các trường hợp cho thôi học, buộc thôi học và quy trình, thủ tục cho NCS thôi học

- Cho thôi học: Khi NCS không thể tiếp tục học tập, nghiên cứu thì có thể làm đơn xin thôi học (phải được sự đồng ý của cơ quan công tác trước khi cử đi học). Viện trưởng ra Quyết định cho NCS thôi học;

- Buộc cho thôi học: Viện buộc cho thôi học đối với các trường hợp NCS có sức khỏe yếu hoặc mắc bệnh phải điều trị dài ngày, mắc bệnh hiểm nghèo đã được điều trị khỏi bệnh nhưng hội đồng giám định sức khỏe (Bệnh viện cấp có thẩm quyền) kết luận không đủ tiêu chuẩn sức khỏe để tiếp tục học tập;

- Viện buộc thôi học đối với NCS sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp hoặc vi phạm các quy định khác của Viện đến mức buộc thôi học;

- Quy trình cho NCS thôi học: Trung tâm Đào tạo chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp hồ sơ, báo cáo Viện xem xét ra Quyết định cho thôi học hoặc buộc thôi học đối với NCS.

Điều 11. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của NCS đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong các trường hợp sau:

a) NCS bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) NCS chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) NCS đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại tại Viện và được công nhận là NCS mới.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo hiện hành, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Tiểu ban chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là NCS mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng chương trình đào tạo.

3. Viện quy định cụ thể như sau:

- Thời hạn bảo lưu không quá 5 năm;

- Thành phần Tiểu ban chuyên môn như quy định tại khoản 5 Điều 8. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm xem xét kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS để tư vấn cho Viện các nội dung nêu tại khoản 2 ở trên.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của NCS trong quá trình đào tạo

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo Điều 32 Luật Giáo dục đại học.

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại Quyết định công nhận NCS, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo tập thể NHDKH; thực hiện kế hoạch đã được tập thể NHDKH và Trung tâm Đào tạo thông qua; định kỳ 6 tháng báo cáo Trung tâm Đào tạo về tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu; đề xuất với tập thể NHDKH và Trung tâm Đào tạo về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại Viện như một nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu theo phân công của tập thể NHDKH.

4. Tuân thủ quy định của Viện về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của tập thể NHDKH; các công bố khoa học về kết quả luận án cần được ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có), trong đó cần phải ghi rõ cơ quan Viện Nghiên cứu Cơ khí bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài.

5. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy chế của Viện.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của các đơn vị thuộc Viện tham gia công tác đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Trung tâm Đào tạo

Trung tâm Đào tạo có quyền và trách nhiệm sau:

a) Đề xuất tập thể NHDKH cho các NCS có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án;

b) Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hàng năm của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS;

c) Xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; phân công giảng viên giảng dạy, lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy các học phần tiến sĩ và các học phần bổ sung cho NCS từng khóa;

d) Hàng năm, phối hợp với các bộ phận chức năng của Viện (Phòng Kinh tế - Khoa học công nghệ) công bố các thông tin liên quan đến việc tuyển sinh: danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu kèm theo danh sách các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS, số lượng NCS có thể tiếp nhận theo từng hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu;

e) Kiểm tra quy cách đề cương luận án, báo cáo học phần tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, luận án và tóm tắt luận án;

f) Đề xuất thành phần các Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS; tổ chức các tiểu ban đánh giá tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ; đề xuất các phản biện độc lập, các thành viên của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho NCS, trình Viện trưởng xem xét, quyết định;

g) Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ của NCS, làm các thủ tục theo quy định để thực hiện việc bảo vệ luận án tiến sĩ các cấp;

h) Tổ chức cho NCS bảo vệ luận án tiến sĩ các cấp (sau khi đã hoàn thiện về mặt pháp lý); hoàn thiện hồ sơ của các NCS sau khi bảo vệ gửi Bộ GD&ĐT xem xét thẩm định hồ sơ; hoàn thiện thủ tục đề nghị Viện trưởng ra Quyết định công nhận học vị tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ cho các NCS đã bảo vệ xong luận án;

i) Xây dựng và cập nhật các biểu mẫu phục vụ công tác đào tạo tiến sĩ;

j) Quản lý hồ sơ của NCS đang học tập và đã tốt nghiệp;

k) Tiếp nhận các công văn của Bộ GD&ĐT, Bộ Công Thương và các cơ quan quản lý nhà nước khác liên quan đến hoạt động đào tạo của Viện để tham mưu cho Viện trưởng xử lý các công văn này;

l) Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy chế của Viện.

2. Các trung tâm nghiên cứu thiết kế chuyên ngành và các phòng thí nghiệm

Các trung tâm nghiên cứu thiết kế chuyên ngành và các phòng thí nghiệm của Viện có trách nhiệm tham gia các hoạt động đào tạo tiến sĩ của Viện với các nhiệm vụ như sau:

a) Tháng 11 hàng năm, các trung tâm nghiên cứu thiết kế chuyên ngành và các phòng thí nghiệm tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học đã hoặc đang thực hiện có thể sử dụng làm hướng nghiên cứu và trở thành đề tài luận án tiến sĩ gửi cho Trung tâm Đào tạo, đề cử NHDKH và thí sinh tham gia xét tuyển;

b) Tạo điều kiện cho các NCS tiếp cận các tài liệu, báo cáo tổng kết đề tài có liên quan đến luận án tiến sĩ của NCS (trong trường hợp tài liệu cần bảo mật thì cần làm tờ trình xin phép lãnh đạo Viện);

c) Tạo điều kiện cho NCS được làm thí nghiệm trên các thiết bị đang có trên cơ sở tuân thủ quy định của Viện và của đơn vị;

d) Cử đại diện tham gia các buổi hội thảo khoa học của các NCS có đề tài luận án phù hợp với hướng nghiên cứu của trung tâm, phòng thí nghiệm;

e) Cử người tham gia giảng dạy các học phần tiến sĩ, các học phần bổ sung với các chuyên ngành phù hợp khi được yêu cầu;

f) Cử người tham gia các hội đồng đánh giá tiểu luận tổng quan, các chuyên đề, luận án tiến sĩ các cấp khi được yêu cầu.

3. Thư viện

Thư viện là nơi lưu giữ, bảo quản sách, các tài liệu khoa học công nghệ, các báo cáo tổng kết đề tài, luận án tiến sĩ của Viện.

Với hoạt động đào tạo tiến sĩ, Thư viện có nhiệm vụ:

a) Tạo điều kiện cho NCS và NHDKH được tiếp cận các tài liệu có liên quan đến đề tài luận án tiến sĩ đang thực hiện;

b) Lưu trữ các luận án tiến sĩ sau khi đã bảo vệ thành công tại Viện.

Chương IV. ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 14. Quy định chung về đánh giá luận án tiến sĩ

1. Việc đánh giá luận án tại Trung tâm Đào tạo được tổ chức khi NCS đáp ứng đủ những yêu cầu sau và yêu cầu bổ sung của Viện đối với từng chương trình đào tạo (nếu có):

a) Đã hoàn thành các học phần, tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề tiến sĩ trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được tập thể NHDKH đồng ý đề xuất được đánh giá ở Trung tâm Đào tạo;

c) Là tác giả chính của bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu ở điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của 1 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

a) Luận án tiến sĩ phải do NCS thực hiện và đáp ứng quy định tại Điều 2 của Quy định này;

b) Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ;

c) Nếu nội dung luận án có chứa một phần công trình khoa học của một tập thể, trong đó có tác giả trực tiếp tham gia thì phải xuất trình các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép NCS sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ;

d) Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của chính tác giả cần phải được dẫn nguồn gốc đầy đủ, rõ ràng;

e) Về hình thức, luận án phải được trình bày khoa học, logic, rõ ràng, mạch lạc, tuân thủ quy định của Viện về hình thức trình bày (Trung tâm Đào tạo hướng dẫn chi tiết các mẫu biểu). Viện khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh;

f) Về bố cục luận án: luận án tiến sĩ được trình bày không quá 150 trang A4, không kể Phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng NCS. Cấu trúc của luận án bao gồm các phần và chương chính như sau:

- Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn, các điểm mới của đề tài luận án;

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

- Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận;

- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

- Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của luận án;

- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

- Phụ lục (nếu có).

g) Tóm tắt luận án (tiếng Việt và tiếng Anh)

Tóm tắt luận án gồm một bản bằng tiếng Việt và một bản bằng tiếng Anh được trình bày trên 24 trang giấy khổ A5 theo mẫu của Trung tâm Đào tạo. Nội dung của tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Cuối bản tóm tắt luận án là danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án, được in trên trang bìa 3 của tóm tắt luận án.

3. Luận án tiến sĩ tại Viện được tiến hành đánh giá qua 3 cấp:

- Đánh giá sơ bộ luận án tiến sĩ (Hội thảo luận án tiến sĩ);

- Đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở (Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo);

- Đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện (Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện).

Điều 15. Hội thảo luận án tiến sĩ

Hội thảo khoa học (seminar) luận án được tổ chức khi NCS đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại khoản 1 Điều 14. Hội thảo khoa học luận án do Trung tâm Đào tạo tổ chức.

1. Đề nghị tổ chức hội thảo luận án tiến sĩ

Sau khi hoàn thành dự thảo luận án, NCS làm đơn đề nghị Trung tâm Đào tạo tổ chức Hội thảo luận án theo mẫu, có xác nhận của tập thể NHDKH. Trung

tâm Đào tạo rà soát hồ sơ và lập danh sách các nhà khoa học tham gia hội thảo để làm giấy mời.

2. Thành phần tham dự Hội thảo

Thành phần tham gia Hội thảo bao gồm:

- a) Chủ trì Hội thảo: là Giám đốc Trung tâm Đào tạo hoặc chuyên gia của Viện có uy tín và kinh nghiệm về lĩnh vực nghiên cứu của NCS;
- b) Thư ký: là nhà khoa học của Viện có học vị từ tiến sĩ trở lên;
- c) 2 người giới thiệu luận án: là các nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, trong đó ít nhất có một người ngoài Viện;
- d) Danh sách các nhà khoa học tham gia nhận xét luận án (ít nhất 10 thành viên trở lên), trong đó có khoảng 50% là người ngoài Viện.

3. Tổ chức Hội thảo luận án tiến sĩ

a) Chủ trì Hội thảo thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức Hội thảo luận án của NCS với Trung tâm Đào tạo để đưa thông tin về buổi Hội thảo luận án lên Bảng tin của Viện và gửi các đơn vị thuộc Viện để các nhà khoa học quan tâm có thể đến tham dự. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm gửi bản thảo của luận án đến các nhà khoa học ít nhất 7 ngày làm việc trước ngày dự kiến họp;

b) Các thành viên tham gia nhận xét luận án có trách nhiệm đọc và cho ý kiến nhận xét bằng văn bản về chất lượng bản thảo luận án. Nhận xét của các thành viên cũng như kết luận của buổi Hội thảo phải khẳng định rõ: sự phù hợp với ngành đào tạo, tính cấp thiết của đề tài, ý nghĩa khoa học, phương pháp nghiên cứu, độ tin cậy của những kết quả nghiên cứu, chất lượng, kết cấu, cách trình bày, mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ, những vấn đề cần bổ sung, sửa chữa, đồng thời khẳng định những điều kiện cần và đủ để đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo;

c) Buổi Hội thảo luận án chỉ tiến hành họp khi đã nhận đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của cả 2 người giới thiệu luận án đồng thời có sự tham dự của Chủ trì Hội thảo, Thư ký và ít nhất 5 nhà khoa học khác trong danh sách nhận xét, không được vắng người giới thiệu luận án có ý kiến không tán thành thông qua. Trình tự tiến hành buổi Hội thảo luận án như sau:

- Chủ trì Hội thảo tuyên bố lý do, thông báo chương trình buổi họp, giới thiệu danh sách các nhà khoa học tham gia và điều khiển phiên họp;
- NCS trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu của luận án ở dạng trình chiếu. Không hạn chế thời gian trình bày của NCS;
- Hai người giới thiệu luận án đọc bản nhận xét luận án và đặt câu hỏi với NCS. Trường hợp vắng người giới thiệu luận án thì Thư ký đọc bản nhận xét và các câu hỏi đã nhận được từ người giới thiệu luận án;
- Các nhà khoa học được mời tham dự phát biểu ý kiến nhận xét và nêu câu hỏi đối với NCS;
- Các thành phần tham dự khác cho ý kiến nhận xét và đặt câu hỏi (nếu có);
- NCS giải trình các ý kiến nhận xét và trả lời các câu hỏi của các thành viên tham gia buổi Hội thảo;
- Tập thể NHDKH cho ý kiến bổ sung về các giải trình và phần trả lời câu hỏi của NCS;

- Thư ký phát phiếu xin ý kiến đánh giá bản thảo luận án có đủ hay không đủ điều kiện để đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo tới các thành viên có mặt tại buổi Hội thảo. Luận án được coi là đủ điều kiện để đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo khi có tối thiểu 2/3 số thành viên có mặt nhất trí đồng ý;

- Chủ trì Hội thảo tóm tắt nội dung nhận xét, thảo luận và công bố kết luận của buổi Hội thảo;

- Thư ký có trách nhiệm ghi chép đầy đủ các ý kiến nhận xét của tất cả các thành phần tham dự, hoàn thành biên bản của buổi họp và nộp về Trung tâm Đào tạo chậm nhất 10 ngày sau khi kết thúc buổi Hội thảo luận án.

Điều 16. Bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Trung tâm Đào tạo

Viện quy định chi tiết việc đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo bảo đảm đúng tính chất là sinh hoạt khoa học, hỗ trợ NCS hoàn thiện luận án trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trung tâm Đào tạo

Sau khi đánh giá sơ bộ, luận án được chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của Chủ trì buổi Hội thảo, được tập thể NHDKH đồng ý, Trung tâm Đào tạo xem xét, ra Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo.

2. Yêu cầu về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trung tâm Đào tạo

a) Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo gồm 7 thành viên, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy được quy định tại Điều 4 của Quy định này, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất 2 nhà khoa học ở ngoài Viện, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 2 người. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 2 ủy viên phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Viện khuyến khích mời các nhà khoa học có uy tín là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng. NHDKH, người có quan hệ là cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với NCS, cấp dưới trực tiếp của NCS, không được tham gia Hội đồng;

b) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng ít nhất là 7 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án phải viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng;

c) Nhận xét về luận án cần nêu rõ: sự phù hợp với ngành đào tạo, ý nghĩa khoa học của đề tài luận án; sự hợp lý và độ tin cậy của các phương pháp nghiên cứu; đánh giá các kết quả đạt được, những đóng góp mới và giá trị của những đóng góp đó; những ưu điểm, hạn chế thiếu sót và những điểm cần bổ sung, sửa chữa; riêng 2 phản biện cần phải có nhận xét về chất lượng các bài báo/báo cáo khoa học đã được công bố của NCS, khẳng định các công bố khoa học đó có thỏa mãn các yêu cầu hay không;

d) Sau khi có đủ nhận xét của 2 ủy viên phản biện về bản luận án, Hội đồng thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án. Trung tâm Đào tạo

phối hợp với Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cho NCS.

3. Yêu cầu và trình tự tiến hành buổi họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo

a) Yêu cầu đối với buổi họp đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trung tâm Đào tạo

- Thành phần tham gia buổi họp Hội đồng gồm có: NCS; các thành viên Hội đồng; đại diện Trung tâm Đào tạo; đại diện đơn vị chuyên môn có liên quan; tập thể NHDKH; các nhà khoa học, khách mời và người có quan tâm;

- Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu: vắng mặt Chủ tịch Hội đồng; vắng mặt Thư ký Hội đồng; vắng mặt ủy viên phản biện có ý kiến không tán thành thông qua luận án (nếu có); vắng mặt từ 2 ủy viên Hội đồng trở lên.

b) Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo

Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của NCS. Hội đồng phải có kết luận chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung. Trình tự tiến hành buổi đánh giá cụ thể như sau:

- Đại diện Trung tâm Đào tạo tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và đọc Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo;

- Chủ tịch Hội đồng công bố số lượng thành viên của Hội đồng có mặt và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án theo quy định;

- NCS trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu, không đọc theo tóm tắt luận án hoặc theo văn bản đã chuẩn bị, phải sử dụng các phương tiện kỹ thuật để trình bày kết quả nghiên cứu. Không hạn chế thời gian báo cáo của NCS;

- Hai người phản biện đọc nhận xét luận án và nêu câu hỏi đối với NCS;

- Các thành viên khác của Hội đồng, khách mời phát biểu ý kiến nhận xét và nêu câu hỏi đối với NCS;

- NCS trả lời các câu hỏi đặt ra của Hội đồng và khách mời;

- Các thành viên của Hội đồng, khách mời và NCS có thể trao đổi thảo luận để làm rõ các vấn đề đặt ra;

- Hội đồng họp riêng. Từng thành viên Hội đồng ghi ý kiến nhận xét vào phiếu nhận xét. Kết luận của Hội đồng cần khẳng định: tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số ngành đào tạo, có trùng lặp về tên đề tài và nội dung với các luận án và công trình khoa học đã được công bố hay không; ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài luận án; những kết quả mới; những hạn chế, thiếu sót và những vấn đề cần bổ sung, sửa chữa; mức độ đáp ứng của luận án về cả nội dung và hình thức theo quy định; kết luận đề nghị cho phép hay chưa cho phép đưa luận án ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Trong trường hợp luận án được chấp nhận, Hội đồng cần thông qua bản đề xuất danh sách dự kiến thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong trường hợp hoàn thành xong quy trình phản biện độc lập.

- Thư ký hội đồng chịu trách nhiệm ghi biên bản phiên họp đánh giá luận án và nộp về Trung tâm Đào tạo chậm nhất sau 7 ngày làm việc. Nội dung biên

bản cần ghi rõ: Thành viên Hội đồng có mặt (họ tên, chức danh khoa học, trách nhiệm trong Hội đồng); Khách mời tham dự (họ tên, chức vụ, chức danh khoa học, nơi làm việc); Chi tiết diễn biến phiên họp, những câu hỏi của các thành viên Hội đồng và trả lời của NCS đối với từng câu hỏi của Hội đồng; Đề nghị chính xác hóa tên đề tài luận án (nếu cần); Kết luận và đề nghị của Hội đồng về nội dung và hình thức luận án.

4. Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo tổ chức một hoặc nhiều phiên họp (nếu luận án có chất lượng khoa học chưa đạt yêu cầu). Chậm nhất 6 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án, Giám đốc Trung tâm Đào tạo ra Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần kế tiếp. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo lần kế tiếp phải có tối thiểu 3 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành thông qua luận án.

5. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện khi được từ ba phần tư số thành viên Hội đồng cấp Trung tâm Đào tạo có mặt tại phiên họp cuối cùng tán thành thông qua.

Điều 17. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Chậm nhất không quá 6 tháng tính từ thời điểm NCS hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được Trung tâm Đào tạo thông qua, Viện phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho NCS; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 3 tháng.

2. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến phản biện của 2 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy định này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và NHDKH; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp NCS về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và NHDKH trong quá trình thực hiện luận án.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 2 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 1 người phản biện không đồng ý, Viện gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 1 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 2 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Viện yêu cầu NCS và tập thể NHDKH chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với NCS và tập thể NHDKH. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu NCS cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của Viện. Những ý kiến giải trình của NCS được gửi cho Viện và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

5. Viện quy định cụ thể quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến của phản biện độc lập, việc bảo mật danh tính và thông tin cá nhân của người phản biện độc lập. Hồ sơ gửi người phản biện độc lập bao gồm: 4 quyển toàn văn luận án, 4 quyển tóm tắt luận án và 4 tuyển tập các công trình công bố khoa học không có thông tin của NCS và tập thể NHDKH.

Quy trình phản biện độc lập được tiến hành theo các bước sau:

a) Sau khi NCS đã hoàn thành bảo vệ luận án cấp Trung tâm Đào tạo, đã có bản giải trình chỉnh sửa, Trung tâm Đào tạo trình Viện trưởng (hoặc Phó Viện trưởng được uỷ quyền) xin ý kiến của 2 phản biện độc lập về luận án. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS có được bảo vệ luận án tại Viện hay không, khuyến khích việc lấy ý kiến phản biện độc lập của các nhà khoa học nước ngoài có cùng chuyên ngành.

b) Danh sách các phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện, danh sách các phản biện độc lập được Viện phê duyệt và giao Giám đốc Trung tâm Đào tạo. NCS, tập thể NHDKH không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ và chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện (nếu được mời). Phản biện độc lập chỉ gửi bản nhận xét hay thảo luận với Giám đốc Trung tâm Đào tạo.

c) Người phản biện độc lập có ít nhất 4 tuần và không quá 8 tuần để đọc và phản biện luận án. Trường hợp người phản biện độc lập không gửi bản nhận xét sau 8 tuần, Viện có thể thay phản biện độc lập khác.

d) Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Viện ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Viện gửi luận án xin phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện.

e) Luận án bị trả về để đánh giá lại cấp Trung tâm Đào tạo trong 2 trường hợp: cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành, hoặc phản biện thứ ba không tán thành. Việc đánh giá lại luận án được tiến hành theo Điều 16 của Quy định này.

f) NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất là 3 tháng và muộn nhất là 6 tháng kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập như quy trình lần đầu. Nếu lần này luận án vẫn không được chấp nhận thì Viện ra quyết định chấm dứt quá trình đào tạo tiến sĩ của NCS.

Điều 18. Đánh giá luận án cấp Viện

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện:

a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của Viện về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của NCS và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện phải bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng là 7 người, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 2 người; số thành viên ngoài Viện tối thiểu là 3 người; các thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư cần có học vị tiến sĩ ít nhất 3 năm;

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 3 ủy viên phản biện và 2 ủy viên khác, trong đó 1 phản biện là người của Viện và 2 phản biện là người ngoài Viện; Phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; Chủ tịch Hội đồng phải là GS hoặc PGS ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là nghiên cứu viên cơ hữu hoặc giảng viên của Viện; 1 NHDKH có thể tham gia Hội đồng với tư cách ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của NCS không được tham gia Hội đồng.

e) Lãnh đạo Viện quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (ví dụ như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định tại khoản c, tiểu mục 2 của điều này). Thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Trong thời gian tối đa 3 tháng kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phản biện độc lập, Viện phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho NCS do Viện quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Ngay sau ngày hoàn thành quy trình phản biện độc lập, Viện ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Trong thời gian không quá 1 tuần, Trung tâm Đào tạo cần trực tiếp gửi giấy mời đọc và nhận xét luận án cùng với quyền luận án, quyền tóm tắt luận án và quyền tuyển tập các công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS đến các thành viên Hội đồng. Thời gian để gửi lại nhận xét đối với các thành viên Hội đồng ít nhất là 15 ngày làm việc nhưng không quá 1 tháng. Bản nhận xét luận án phải gửi trực tiếp đến Trung tâm Đào tạo, nghiêm cấm NCS tham gia vào quá trình tổ chức Hội đồng. Sau khi nhận đủ 7 bản nhận xét của các thành viên Hội đồng, Trung tâm Đào tạo đề nghị ngày họp Hội đồng.

b) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi họp đánh giá luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên website của Viện (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật);

c) Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Khi vắng mặt quá từ 2 thành viên Hội đồng trở lên;
- Các thành viên Hội đồng bắt buộc phải có mặt: Chủ tịch, Thư ký. Trong trường hợp có ủy viên phản biện không đồng ý cho NCS bảo vệ thì thành viên này bắt buộc phải có mặt;
- NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc có những lý do bất khả kháng;
- Trong trường hợp Hội đồng không thể tiến hành họp được do các lý do bất khả kháng thì Viện gửi công văn xin ý kiến chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về việc điều chỉnh thời gian tiến hành họp Hội đồng.

d) Trường hợp Viện tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ GD&ĐT;

e) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do Viện thực hiện; NCS và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

4. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 1 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Viện.

5. Viện quy định chi tiết việc đánh giá luận án, trong đó bao gồm:

a) Hồ sơ của NCS chuẩn bị bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Viện

Sau khi có bản nhận xét đánh giá đạt yêu cầu của 2 phản biện độc lập, Giám đốc Trung tâm Đào tạo lập hồ sơ gửi Viện trưởng đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Viện.

Hồ sơ đề nghị bảo vệ bao gồm:

- Đơn xin bảo vệ luận án cấp Viện của NCS có xác nhận đồng ý của tập thể NHDKH;
- Lý lịch khoa học của NCS cập nhật đến thời điểm xin bảo vệ luận án;
- Bản sao hợp lệ bảng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ;
- Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký hội đồng, kèm theo giới thiệu danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;
- Bản giải trình các điểm bổ sung, sửa chữa của NCS sau mỗi phiên họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Trung tâm Đào tạo, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, 2 phản biện và của tập thể NHDKH;
- Hai bản nhận xét của 2 phản biện độc lập;
- Bản giải trình chỉnh sửa bổ sung sau khi có ý kiến của 2 phản biện độc lập

- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học và thạc sĩ;
- Bản sao bằng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, điểm tiểu luận tổng quan, chứng chỉ ngoại ngữ;
- Bản quyết định công nhận NCS và các quyết định thay đổi (nếu có);
- Bản danh mục và sao chụp toàn văn những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án (kể cả trang bìa và mục lục có tên bài). Các công bố khoa học này phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả;

Bộ tài liệu NCS nộp cho Trung tâm Đào tạo để thành lập và họp Hội đồng:

- 8 bộ gồm: Toàn văn luận án (bìa cứng); tóm tắt luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh; bản danh mục và sao chụp toàn văn những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án (kể cả trang bìa và trang mục lục có tên bài);

- Thông tin về những đóng góp mới của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), nội dung gồm: tên luận án; tên và mã số ngành đào tạo; tên NCS và khóa đào tạo; tên tập thể NHDKH, chức danh khoa học, học vị; tên Viện; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án, có chữ ký của NCS và tập thể NHDKH;

- Trích yếu luận án;

- Các file mềm cần nộp kèm theo: toàn văn luận án, tóm tắt luận án tiếng Việt và tiếng Anh, thông tin luận án tiếng Việt và tiếng Anh, trích yếu luận án.

b) Yêu cầu và nhiệm vụ đối với các thành viên Hội đồng đánh giá luận án

- Quy định cụ thể về tiêu chuẩn thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện được quy định tại khoản 2 điều này.

- Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm lấy ý kiến phản biện, sắp xếp thời gian và điều hành buổi bảo vệ. Sau khi bảo vệ, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo hoàn thành các thủ tục liên quan đến buổi bảo vệ để nộp cho Trung tâm Đào tạo;

- Thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ liên quan đến buổi bảo vệ; tổng hợp các văn bản nhận xét của 7 thành viên Hội đồng gửi đến trước buổi bảo vệ; ghi biên bản chi tiết và hoàn thành các thủ tục liên quan đến buổi bảo vệ để nộp cho Trung tâm Đào tạo;

- Các phản biện đọc và khi viết nhận xét phải ghi rõ luận án có đáp ứng được yêu cầu của một luận án tiến sĩ hay không. Thời gian đọc và gửi nhận xét không quá 1 tháng. Nếu vì lý do nào đó không thể nhận xét được theo đúng thời gian quy định thì phải báo cáo để Chủ tịch Hội đồng trình Viện kéo dài thời gian đọc và gửi nhận xét, hoặc thay đổi người đọc phản biện nếu thấy cần thiết.

- Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét bằng văn bản gửi đến Hội đồng trong thời gian tối đa là 1 tháng.

- Việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng (nếu cần thiết) sẽ do Viện quyết định.

c) Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Viện

- Viện có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cho NCS.

- Viện quy định các điều kiện tổ chức cho NCS bảo vệ luận án đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Luận án, tóm tắt luận án, danh mục và toàn văn các công trình đã công bố của NCS được gửi đến các thành viên Hội đồng. Bản tóm tắt luận án được trưng bày ở phòng đọc của Thư viện của Viện ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ. Toàn văn luận án, tóm tắt (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên các website của Viện và của Bộ GD&ĐT trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày, trừ các đề tài thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các đề tài bảo vệ mật;

+ Khi nhận được các bản nhận xét luận án của 7 thành viên Hội đồng, Trung tâm Đào tạo đề nghị ngày họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

+ Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của NCS được công bố công khai trên bảng tin của Viện, trên báo địa phương hoặc trung ương, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật).

6. Tổ chức bảo vệ luận án tiến sĩ

a) Phương thức bảo vệ luận án

Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao liêm chính khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và khách mời dự họp. Các thành viên của Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

b) Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp Viện:

- Đại diện Trung tâm Đào tạo tuyên bố lý do, đọc Quyết định của Viện trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện;

- Chủ tịch Hội đồng công bố số lượng thành viên Hội đồng có mặt, các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ và công bố chương trình làm việc;

- Thư ký Hội đồng đọc Lý lịch khoa học của NCS và các điều kiện chuyên môn để NCS được bảo vệ luận án;

- Các thành viên Hội đồng và khách dự nêu ý kiến hỏi về Lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS;

- NCS trình bày luận án (không quá 45 phút);

- Các phản biện đọc bản nhận xét;

- Thư ký Hội đồng đọc bản nhận xét của thành viên Hội đồng vắng mặt (nếu có);

- Hội đồng và khách tham dự nêu câu hỏi về luận án để kiểm tra kiến thức và trình độ NCS;

- NCS trả lời các câu hỏi;

- Hội đồng, các khách mời và NCS có thể tranh luận về các vấn đề đặt ra;

- Đại diện tập thể NHDKH phát biểu ý kiến bằng văn bản;

- Hội đồng họp riêng đánh giá luận án.

Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm 3 người có mặt trực tiếp, trong đó có 1 Trưởng ban và 2 ủy viên. Các

thành viên Hội đồng được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành, nếu bỏ phiếu tán thành thì có thể chấm điểm Xuất sắc. Phiếu trắng được coi là không hợp lệ. Luận án được thông qua đạt khi có ít nhất 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

Hội đồng phải có nghị quyết của luận án, trong đó ghi rõ:

+ Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng; quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua;

Trong trường hợp luận án được thông qua, cần nêu rõ:

+ Những kết luận khoa học cơ bản, những đóng góp mới của luận án;
+ Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;

+ Ý nghĩa khoa học, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;

+ Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;

+ Những điểm cần bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia;

+ Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

- Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án;

- Chủ tịch Hội đồng đọc quyết nghị của Hội đồng.

Toàn bộ biên bản của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phân hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

Thư ký Hội đồng ghi biên bản của buổi đánh giá luận án và nộp về Trung tâm Đào tạo chậm nhất sau 7 ngày làm việc; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ theo hồ sơ của NCS tại Viện;

Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa và hoàn thiện luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu tại Viện và nộp cho Thư viện Quốc gia.

Điều 19. Đánh giá luận án theo chế độ bảo mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Viện phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo Bộ GD&ĐT kèm theo minh chứng và phải được Bộ GD&ĐT đồng ý bằng văn bản.

2. NCS thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với NCS, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy định này có thể thay bằng những báo cáo nội bộ có giá trị khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Viện xác nhận.

3. Viện quy định chi tiết việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy định bảo mật của pháp luật.

Điều 20. Đánh giá lại luận án tại Viện

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 6 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Viện ban hành quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Quy chế của Viện quy định chi tiết thời gian, quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án lần thứ hai.

a) Trong trường hợp luận án được Hội đồng cho phép đánh giá lại lần thứ hai, thì NCS được phép sửa chữa luận án và phải có đơn đề nghị bảo vệ lần thứ hai (có xác nhận của tập thể NHDKH), ngày dự kiến họp Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai muộn nhất là 9 tháng kể từ ngày họp Hội đồng lần thứ nhất. Quá thời hạn này, luận án không được đưa ra đánh giá lại.

b) Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai phải có tối thiểu 4 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án. Yêu cầu tiêu chuẩn đối với các thành viên và điều kiện họp Hội đồng lần thứ hai giống như Hội đồng lần thứ nhất.

c) Nếu NCS bảo vệ luận án cấp Viện lần thứ hai vẫn không đạt thì Viện trưởng ra quyết định chấm dứt quá trình đào tạo tiến sĩ của NCS đó và trả NCS về cơ quan chủ quản (nếu có).

d) Khi bảo vệ lại, NCS phải tự túc kinh phí tổ chức Hội đồng và các chi phí liên quan.

e) Các thủ tục quản lý và trình tự họp Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai được quy định như họp Hội đồng lần thứ nhất.

Điều 21. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. NCS được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện đồng ý thông qua;

b) NCS đã nộp cho Viện (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của tập thể NHDKH; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và bản điện tử) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của tập thể NHDKH và xác nhận của Viện.

2. Viện đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên website của Viện (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 3 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Viện tổ chức xét và ban hành Quyết định công nhận tiến sĩ cho NCS.

- Trường hợp NCS không phải thẩm định theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, sau báo cáo của Viện gửi Bộ GD&ĐT vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm về danh sách NCS đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong 2 tháng trước đó, Viện sẽ tiến hành các bước để ra Quyết định công nhận học vị tiến sĩ cho NCS.

- Trường hợp NCS trong diện thẩm định thì sau khi có công văn của Bộ GD&ĐT đồng ý với hồ sơ thẩm định, Viện sẽ tiến hành các bước để ra Quyết định công nhận học vị tiến sĩ cho NCS.

4. Trung tâm Đào tạo lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án cấp Viện;
b) Quyết nghị thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;
c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án, kể cả các thành viên họp trực tuyến (nếu có);

d) Bản nhận xét, đánh giá của NHDKH; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của tập thể NHDKH và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án;

đ) Những tài liệu khác theo quy định của Viện cần có:

- 3 bộ in, gồm có: toàn văn luận án, tóm tắt luận án tiếng Việt và tiếng Anh, tuyển tập các công trình đã công bố.

- 3 đĩa CD, gồm có: toàn văn luận án, tóm tắt luận án tiếng Việt và tiếng Anh.

- Các hồ sơ trên nộp 1 bộ cho Thư viện của Viện, 1 bộ cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (nhận giấy xác nhận của Thư viện Quốc gia Việt Nam), 1 bộ cho Trung tâm Đào tạo, kể cả các luận án bảo vệ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Bản toàn văn luận án nộp các thư viện gồm hai phần:

+ Phần một là toàn văn luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện (nếu có).

+ Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp Viện, đóng quyển cùng với luận án bao gồm: Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và danh sách thành viên Hội đồng; Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng; Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng cấp Viện, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

- Sau khi hoàn thiện toàn bộ hồ sơ nêu trên, Trung tâm Đào tạo làm tờ trình gửi Viện trưởng đề nghị ra Quyết định công nhận học vị tiến sĩ và cấp bằng cho tiến sĩ.

5. Viện thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V. KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 22. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ GD&ĐT thực hiện trong những trường hợp sau:

- a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này và những quy định có liên quan;
- b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

- a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và Quyết định công nhận NCS; hồ sơ buổi đánh giá luận án cấp Viện; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;
- b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của NCS.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

- a) Bộ GD&ĐT thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Viện;
- b) Trung tâm Đào tạo báo cáo Lãnh đạo Viện và gửi 1 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 3 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ GD&ĐT;
- c) Bộ GD&ĐT tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với Viện trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 23. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

- a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Viện cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của Viện được áp dụng cho NCS theo quy định;
- b) Chất lượng luận án được tối thiểu 2 trong 3 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp :

- a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Viện cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và Quy định đào tạo tiến sĩ của Viện;
- b) Chất lượng luận án không được 2 trong 3 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Viện có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ GD&ĐT theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ GD&ĐT quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền cho Viện tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ GD&ĐT;

b) Hội đồng thẩm định có 7 thành viên, trong đó có tối thiểu 3 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy định này;

d) Hội đồng thẩm định chỉ họp khi có mặt tối thiểu 6 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

e) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Viện tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ GD&ĐT. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 11 người, trong đó chủ tịch, các phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 3 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Viện xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu NCS chưa được cấp bằng, Viện cho phép NCS bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại Quyết định công nhận NCS và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần 2 (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 6 tháng;

b) Nếu NCS đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Viện; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy định này; luận án của NCS không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ GD&ĐT về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Viện có văn bản báo cáo Bộ GD&ĐT về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 24. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý tài chính trong hoạt động đào tạo dựa trên nguyên tắc công khai, dân chủ với sự đóng góp ý kiến của các đơn vị của Viện theo quy định của pháp luật.

2. Mọi khoản thu, chi của công tác đào tạo trình độ tiến sĩ đều được quản lý thống nhất và phải được thể hiện trên hệ thống sổ sách kế toán của Viện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Nguồn thu và nguyên tắc quản lý nguồn thu

1. Mọi nguồn thu của công tác đào tạo đều do Phòng Tài chính - Kế toán tổ chức thu và thống nhất tập trung quản lý theo Quy định quản lý tài chính và Quy chế nội bộ hiện hành của Viện, nghiêm cấm việc tự thu, tự chi tại các đơn vị.

2. Tất cả các khoản thu đều phải sử dụng chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính; mọi khoản thu không thể hiện trên chứng từ kế toán của Viện đều là khoản thu bất hợp pháp.

3. Thực hiện nguyên tắc cơ bản là lấy thu bù chi, Viện đảm bảo nguồn thu bù đắp được các khoản chi trong quá trình hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Các nguồn thu chủ yếu:

a) Nguồn thu từ kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho công tác đào tạo tiến sĩ;

b) Nguồn thu từ học phí của các NCS:

- Viện quy định mức thu học phí là 20.000.000 đ/năm. Học phí có thể được điều chỉnh theo năm, phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan của Nhà nước và của Viện;

- Các NCS là cán bộ nhân viên đang công tác tại Viện được giảm 50% tiền học phí hàng năm. Tuy nhiên, trong trường hợp không bảo vệ đúng thời hạn theo kế hoạch thì những NCS này sẽ phải đóng đầy đủ học phí như các NCS khác.

- Các NCS có trách nhiệm đóng học phí hàng năm cho đến khi nhận được Quyết định công nhận học vị tiến sĩ của Viện.

- Hàng năm, Phòng Tài chính - Kế toán gửi thông báo đóng tiền học phí tới toàn thể các NCS, trong đó có số tiền học phí cần đóng trong kỳ.

c) Nguồn thu hợp pháp khác:

- Thu lệ phí tuyển sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Viện.

- Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 26. Nguyên tắc quản lý chi và các khoản chi

1. Các khoản chi phải có dự toán và phải được Viện trưởng phê duyệt; các khoản chi Nhà nước đã quy định thì thực hiện theo quy định của Nhà nước.

2. Các khoản chi phải đảm bảo có đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo đúng quy định của chế độ kế toán tài chính.

3. Cuối năm tài chính phải quyết toán toàn bộ các khoản thu chi năm đó.

4. Các khoản chi chủ yếu:

4.1. Chi cho giảng dạy và các hội đồng chấm đề cương, đánh giá chuyên đề, luận án các cấp.

STT	Nội dung	Mức chi (đồng/người)
I	Hội đồng thông qua đề cương đầu vào cho NCS	
1	Chủ tịch	500.000
2	Thư ký khoa học	350.000
3	Ủy viên (3 người), thư ký hành chính	300.000
4	Chi phí văn phòng (nước uống, photocopy, ...)	250.000
II	Giảng dạy các học phần tiến sĩ Chi trả cho các giảng viên dạy các học phần bổ sung và các học phần trình độ tiến sĩ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, có tham khảo mức chi của một số trường đại học (tính theo tiết giảng)	2.100.000
III	Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan và 3 chuyên đề	
1	Chủ tịch	700.000
2	Thư ký khoa học	500.000
3	Ủy viên (3 người)	450.000
4	Thư ký hành chính	350.000
5	NHDKH	350.000
6	Chi phí văn phòng (nước uống, photocopy, ...)	250.000
IV	Hội thảo khoa học luận án và các hội thảo khác	-
1	Chủ trì	700.000
2	Thư ký khoa học, 2 thành viên giới thiệu luận án	500.000
3	Các thành viên dự họp (có văn bản nhận xét kèm theo)	450.000
4	Thư ký hành chính	350.000
5	NHDKH	350.000
6	Chi phí văn phòng (nước uống, photocopy, ...)	300.000
V	Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trung tâm Đào tạo	
1	Chủ tịch	1.000.000
2	Thư ký khoa học, ủy viên phản biện (2 người)	800.000
3	Ủy viên (3 người)	600.000
4	Thư ký hành chính	350.000
5	NHDKH	350.000
6	Chi phí văn phòng (nước uống, photocopy, ...)	300.000

STT	Nội dung	Mức chi (đồng/người)
VI	Phản biện độc lập	-
1	Phản biện độc lập (2 hoặc 3 người)	2.000.000
VI	Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện	
1	Chủ tịch	1.000.000
2	Thư ký khoa học, ủy viên phản biện (3 người)	800.000
3	Ủy viên (2 người)	600.000
4	Thư ký hành chính	350.000
5	NHDKH	350.000
6	Chi phí văn phòng (nước uống, photocopy, ...)	300.000
VII	Người hướng dẫn khoa học hàng năm	
1	Người hướng dẫn độc lập	4.000.000
2	Người đồng hướng dẫn	2.000.000
3	Người hướng dẫn chính (hướng dẫn 1)	2.400.000
4	Người hướng dẫn phụ (hướng dẫn 2)	1.600.000

Ghi chú:

- Các mức chi nêu trên có thể thay đổi theo thời gian, phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan của Nhà nước và của Viện;

- Trong trường hợp luận án sau khi bảo vệ cấp Viện phải thẩm định lại theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT: mức chi cho các Hội đồng đánh giá tham khảo theo mức chi cho Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện nêu trên.

4.2. Chi quản lý của Trung tâm Đào tạo, bao gồm:

- Chi phí hành chính: văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, phụ cấp điện thoại cho cán bộ Trung tâm;

- Chi công tác phí: vé tàu xe, máy bay, xăng dầu, phụ cấp công tác, phòng nghỉ...;

- Chi phụ cấp tiền công cho cán bộ Trung tâm Đào tạo;

- Các khoản chi hợp pháp khác.

Mức chi từng khoản căn cứ vào dự toán của Trung tâm Đào tạo lập và được Viện trưởng duyệt hàng năm.

Chương VII. KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ CÁC VI PHẠM

Điều 27. Khiếu nại, tố cáo

Các đơn vị và cá nhân và NCS có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án trong thời gian 2 tháng kể từ ngày nhận bằng tiến sĩ của Viện.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 28. Thanh tra, kiểm tra

Hàng năm Bộ GD&ĐT thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo tiến sĩ của Viện theo quy định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy định đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp, việc cấp bằng tiến sĩ của Viện; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Kết luận thanh tra, kiểm tra các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ GD&ĐT thông báo bằng văn bản cho Viện.

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp NCS bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ GD&ĐT sẽ có văn bản đề nghị Viện xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

Chương VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Xây dựng và thực hiện Quy định

1. Căn cứ Quy định này và những quy định hiện hành khác có liên quan, Trung tâm Đào tạo và các đơn vị có liên quan của Viện có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định của Viện; cụ thể hóa với yêu cầu ngang bằng hoặc cao hơn nhưng không trái với những điều khoản nêu trong quy định này;

b) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong công tác đào tạo theo quy định tại Điều 14 Luật Giáo dục đại học;

c) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại Viện;

d) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

đ) Có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hàng năm việc thực hiện quy định này của Viện về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ;

e) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho NCS trước khi bắt đầu khóa học quy định của Viện và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của NCS;

h) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy định của Viện và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ GD&ĐT và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Viện thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 31. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Viện yêu cầu Trung tâm Đào tạo và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học, bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của NCS; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của NCS theo quy định pháp luật hiện hành.

Đối với NCS sau khi tốt nghiệp, Trung tâm Đào tạo lưu giữ: Hồ sơ quá trình Đào tạo (như mẫu của Bộ GD&ĐT); 1 bộ bản in toàn văn luận án, tóm tắt luận án tiếng Việt và tiếng Anh, tuyển tập công trình công bố kèm theo 1 đĩa CD với nội dung như bản in. Thời gian lưu trữ hồ sơ tuân thủ theo Quy định của Bộ GD&ĐT.

Thư viện lưu giữ: 1 bộ bản in toàn văn luận án, tóm tắt luận án tiếng Việt và tiếng Anh, tuyển tập công trình công bố với nội dung như bản in.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Viện báo cáo Bộ GD&ĐT danh sách NCS đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong 2 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31/12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Viện phải công khai trên website của Viện trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy định đào tạo tiến sĩ của Viện và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và những thông tin khác theo quy định.

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc tổ chức đào tạo đối với những khóa đã tuyển sinh trước ngày Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

2. Viện áp dụng khoản 2 Điều 5, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy định này đối với các khóa NCS đã tuyển sinh trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021.

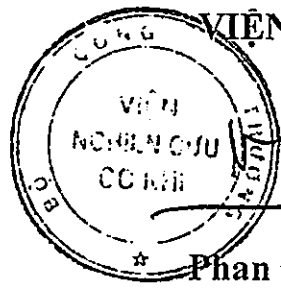
Chương IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế cho Quy định nêu trong Quyết định số 73/QĐ-NCKK ngày 06/4/2022.
2. Quy định này có thể được sửa đổi trong quá trình thực hiện khi có kiến nghị của Trung tâm Đào tạo và của các đơn vị của Viện có liên quan hoặc khi có những thay đổi trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT. Trung tâm Đào tạo có trách nhiệm đề xuất để Viện trưởng xem xét phê duyệt.
3. Viện có trách nhiệm gửi báo cáo tới cơ quan quản lý Nhà nước theo các quy định hiện hành.

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2026

VIỆN TRƯỞNG



Phan Đăng Phong